

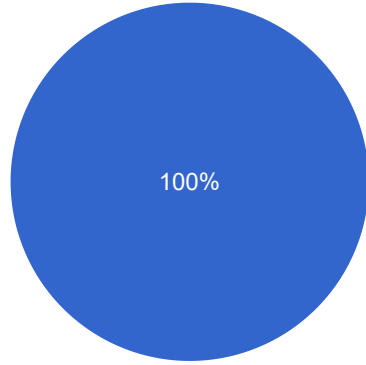
JIBC学生評価調査(アンケート)

24 件の回答

質問 1. あなたご自身のことについてお伺いたします。



24 件の回答



- (JIBC)在學生 (Học sinh hiện tại / 在校學生 / College's enrollment 「Current」 students)
- 卒業生 (Graduate)



1 教育理念・目標

本校では、「地域創生」「グローバル」という2つのビジョンをもとに、世界を舞台に活躍する人材育成に取り組んでいます。本校の教育の現状について、どのように考えますか？お答えください。

Triết lý và mục tiêu giáo dục Dựa trên hai tầm nhìn "phục hồi khu vực" và "toàn cầu", trường chúng tôi đang nỗ lực phát triển nguồn nhân lực có thể đóng vai trò tích cực trên trường thế giới. Bạn nghĩ gì về tình trạng giáo dục hiện tại ở trường chúng tôi? Làm ơn hãy trả lời.

教育理念和目标 贵校的教育基于两个愿景--"地区发展"和"全球"--致力于培养能在世界舞台上发挥积极作用的人才，你对贵校的教育现状有何看法？请回答。

Education Philosophy and Goals At our school, we are working to develop human resources who can play an active role on the world stage based on two visions of "regional revitalization" and "global". do you want? Please answer.

17 件の回答

様々な国出身の学生達と一緒に学ぶことができるのは、他の学校にはあまりないこの学校独自の特徴だと思います。

すばらしいです。

はい。

特にはないです。

分からないです

地域創生のためにITを使用して、ITでワクワク感を作り人に提供をしていると思いました。

「地方創生」のため、100km歩行マラソンのスタッフとしてボランティア活動に積極的に参加しています。「グローバル」では、日本の学校との国際交流会に参加してきました。

同意します。

就職への道でのさまざまな企業様との交流がよい刺激となっております。

教育環境は良いです。先生達も優しいですし、教え方も分かりやすいです。

一般的に問題はありますが、コードの授業が少ないと感じています。先生たちがほとんど新しい知識を教えてくださいましたけど、コードを実際に使う機会もほとんどありませんでした。帰宅後に自分で調べないは行けません。将来はITエンジニアとして就職したいと考えていますが、まだIT知識やコーディングスキルが不足しているため、自信がありません。そのため、就職活動が難しいと感じています。



もっとグローバルしたかったら、交流会とかイベントなどが欲しいです。今学校には外国人の留学生が多くても日本人の学生がなかなかないです。先生達がありますが、同世代の日本人お友達と自由に話せる機会が欲しいと思います。

应该多和学生单独聊聊吧，有时候由很多烦恼吧

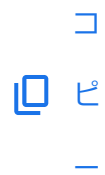
この学校には、生徒にとって前向きで快適な学習環境が整っています。先生たちは熱心にサポートし、生徒の総合的な成長に有利な環境を作り出します。

すみません、質問がわかりませんでした。

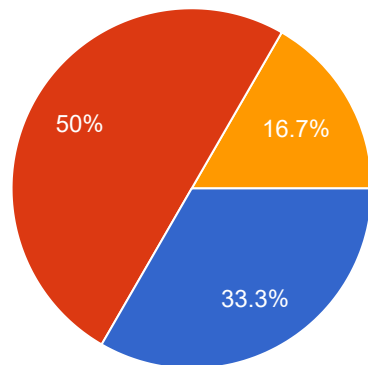
ITコースについて教えるが、ITの授業があまりにも少ないです。

global

1-1 全体的に、先生は授業準備をしっかりしていて、学生の質問などにも、丁寧に対応していた。 Các giáo viên đã được chuẩn bị tốt cho các lớp học và đáp ứng một cách lịch sự cho các câu hỏi của học sinh. 总体上，老师做好了上课的准备，对学生的问题也能很好的回应。 Are you satisfied with the teachers are well prepared for the class and responded politely to the students' questions?



24 件の回答



- 5点 そう思う/cũng nghĩ vậy/认同/Extremely satisfied.
- 4点 やや、そう思う/gần nghĩ như vậy/大致认同/Very satisfi...
- 3点 どちらとも言えない\không thể nói là nghĩ như thế nào/中...
- 2点 あまりそう思わない\không hẳn nghĩ như vậy/不太认同/SI...
- 1点 そう思わない\không nghĩ...
- 不明\không rõ\không hiểu/不...



1.1 コメントがあれば記入してください/Xin vui lòng viết bất kỳ ý kiến/请写下任何评论/Please write below if you have any comments.

6 件の回答

なし

大部分课程都很好

先生だちはいつもお世話になっております。お疲れ様です。

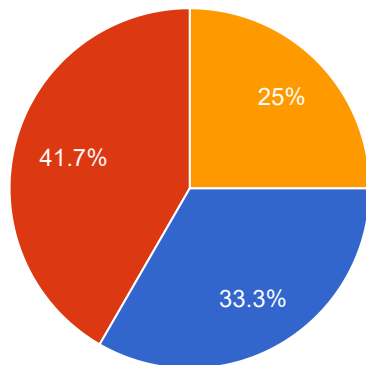
アビ先生の授業では、専門知識が非常に弱いです。講義の中には多くの間違いがありますがアビ先生はどのように修正できない時も結構あります

ABI先生の授業はまだです

1-2 全体的に、テキスト及び配布資料などは、使いやすかった。 nhìn chung,sách giáo khoa và tài liệu được phát dễ sử dụng 总体上的教材及讲义资料用来得心应手。 Are you satisfied with textbooks and materials for classes?



24 件の回答



- 5点 そう思う/cũng nghĩ vậy/认同/Extremely satisfied.
- 4点 やや、そう思う/gần nghĩ như vậy/大致认同/Very satisfi...
- 3点 どちらとも言えない/không thể nói là nghĩ như thế nào/中...
- 2点 あまりそう思わない/không hẳn nghĩ như vậy/不太认同/SI...
- 1点 そう思わない/không nghĩ...
- 不明/không rõ/không hiểu/不...

1.2 コメントがあれば記入してください/Xin vui lòng viết bất kỳ ý kiến/请写下任何评论/Please write below if you have any comments.

6 件の回答

なし

教材很好

別にないです。

ITパスポートのテキストはイラスト付きでよりイメージしやすいものを採用した方がよいのではと感じました。

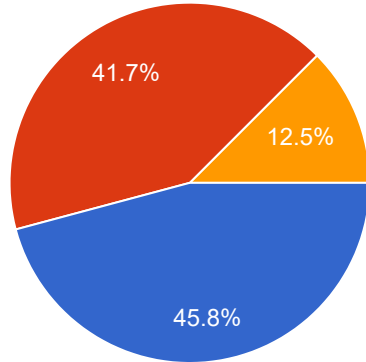
大丈夫です



1-3 全体的に、PPT、パソコン画面利用など、ITツールを活用した授業展開をしていた。 nhìn chung,việc sử dụng máy tính,PPT,công cụ IT đã được diễn ra trong giờ học 总体来说上课时活用了Powerpoint、电脑操作画面等IT工具。 Are you satisfied with classes of practical use of IT tools such as PPT and computer screen?



24 件の回答



- 5点 そう思う/cũng nghĩ vậy/认同/Extremely satisfied.
- 4点 やや、そう思う/gần nghĩ như vậy/大致认同/Very satisfi...
- 3点 どちらとも言えない\không thể nói là nghĩ như thế nào/中...
- 2点 あまりそう思わない\không hẳn nghĩ như vậy/不太认同/SI...
- 1点 そう思わない\không nghĩ...
- 不明\không rõ\không hiểu/不...

1.3コメントがあれば記入してください\Xin vui lòng viết bất kỳ ý kiến/请写下任何评论/Please write below if you have any comments.

4 件の回答

なし

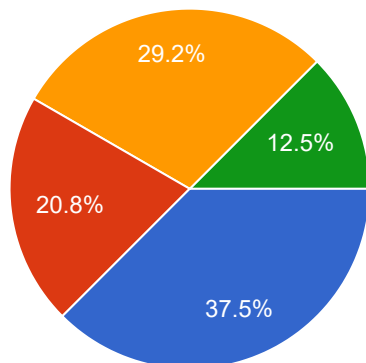
还可以 只是提交作业的过程比较麻烦

別にないです。

1-4 全体的に、先生の話し方は分かりやすかった。 nhìn chung,cách nói chuyện của giáo viên dễ hiểu 总体上老师们的授课内容通俗易懂。 Is it easy to understand what the teachers are speaking during the classes?



24 件の回答



- 5点 そう思う/cũng nghĩ vậy/认同/Extremely satisfied.
- 4点 やや、そう思う/gần nghĩ như vậy/大致认同/Very satisfi...
- 3点 どちらとも言えない\không thể nói là nghĩ như thế nào/中...
- 2点 あまりそう思わない\không hẳn nghĩ như vậy/不太认同/SI...
- 1点 そう思わない\không nghĩ...
- 不明\không rõ\không hiểu/不...



1.4 コメントがあれば記入してください/Xin vui lòng viết bất kỳ ý kiến/请写下任何评论/Please write below if you have any comments.

6 件の回答

有的课程还是不太了解

なし

別にないです。

だいたいわかりますが、難しい日本語を時々使ってる先生がいます。これを少し注意してくれ
たら嬉しいです。

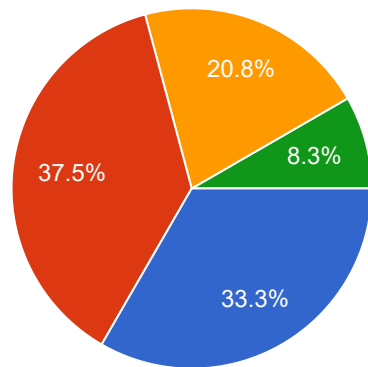
アビ先生、専門知識は弱くて、日常会話が問題ありませんが、専門的なITを教える場合は説明
できない言葉がたくさんあります

ABI先生の説明の日本語はまだまだです

1-5 全体的に、授業の構成は、シラバスに沿って展開されていた。 nhìn chung,cấu trúc tiết học được dạy theo giáo trình 总体上来说授课构成都按照
教学大纲进行。 Are you satisfied with daily classes based on syllabus?



24 件の回答



- 5点 そう思う/cũng nghĩ vậy/认同/Extremely satisfied.
- 4点 やや、そう思う/gần nghĩ như vậy/大致认同/Very satisfi...
- 3点 どちらとも言えない/không thể nói là nghĩ như thế nào/中...
- 2点 あまりそう思わない/không hẳn nghĩ như vậy/不太认同/SI...
- 1点 そう思わない/không nghĩ...
- 不明/không rõ/không hiểu/不...

1.5 コメントがあれば記入してください/Xin vui lòng viết bất kỳ ý kiến/请写下任何评论/Please write below if you have any comments.

4 件の回答

なし

いいです

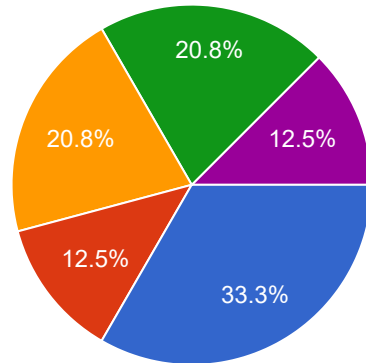
別にないです。



1-6 遠隔授業について、対面授業と遜色ない質で学習できている。/Bạn có hài lòng với các lớp học trực tuyến `` Zoom Online Class " không?您是否对"Zoom网课"感到满意? Are you satisfied with Online classes/distance learning or tele-teaching 「Zoom Online Class」?



24 件の回答



- 5点 そう思う/cũng nghĩ vậy/认同/Extremely satisfied.
- 4点 やや、そう思う/gần nghĩ như vậy/大致认同/Very satisfi...
- 3点 どちらとも言えない/không thể nói là nghĩ như thế nào/中...
- 2点 あまりそう思わない/không hẳn nghĩ như vậy/不太认同/SI...
- 1点 そう思わない/không nghĩ...
- 不明/không rõ/không hiểu/不...

1.6 コメントがあれば記入してください/Xin vui lòng viết bất kỳ ý kiến/请写下任何评论/Please write below if you have any comments.

5 件の回答

いいです

なし

別にないです。

先生たちと直接繋がってない感じです。オンラインですから、集中も100%できないです。

遠隔授業について、学生の困った時、解決が遅い、時間かかります。



1-6.1 【遠隔授業】 Zoom 授業について改善点あれば記入してください! Zoom Nếu có bất kỳ cải tiến cho lớp học, xin vui lòng điền vào! 如果您对Zoom 网课有任何建议, 请填写! About Zoom Class, If you have any suggestions for improvement, mention here.

9 件の回答

各先生たち、画面共有させたいです

いいです

このフォームにはえいごはありません。

別にないです。

システム開発入門の授業とネットワーク演習の授業は、オンラインの代わりにオフラインにした方が良く思っております。オフラインクラスの方が分かりやすいだと思います。

IT専攻の学生の場合、生徒には実際に多くのコードを書く機会を与えることが最も良い品質向上方法です。1回では理解できなくても、何度も繰り返し練習すればうまくなります。

している授業の内容を少しでもわかってる先生がいらっちゃって授業中にパソコンの技術の問題とかに手伝ってくれればもっと改善になりますと思います。

オンライン授業が減り、ITの授業が増えてください

ITの授業は非常に少ないです

2 学校運営



本校では、「岡山県で、人材育成を通じて、次世代の100年を創る」をキーワードに、本校が岡山県の新たな知の拠点として、さらに、グローバル基地、文化発信地としての役割を担っていくことを目標とし、運営しています。

tại trường,với khẩu hiệu"tỉnh Okayama,nơi nuôi dưỡng nguồn nhân lực,tạo ra 100 năm của thế hệ tiếp theo",và trường sẽ phục vụ như một cơ sở tri thức mới của

Okayama,cũng như cơ sở toàn cầu và trung tâm văn hoá

我校秉承「通过培养人才来创造冈山的后时代100年」的宗旨，我校作为冈山县的新教育据点，以成为国际化基地，文化发扬地为目标在运营。

Our school motto is 'Creat 100 Years for next generation through development of human resources in Okayama.' We challenge to take a role as a brand new global and educational base and cultural dispatched place in Okayama.

3 件の回答

わからないです

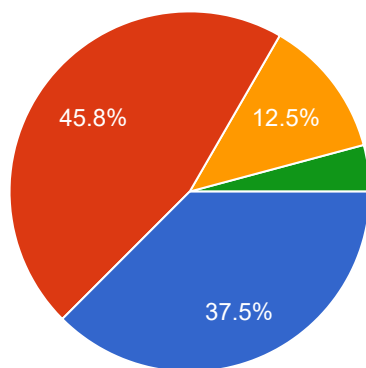
なし

いいと思います。

2-7 本校は、理念に沿った運営ができていますか？你认为学校是遵从上述理念在经营吗？ bạn có nghĩ trường được quản lý với quan điểm hợp lí? How do you think about our school management based on the motto?



24 件の回答



- 5点 そう思う/cũng nghĩ vậy/认同/Extremely satisfied.
- 4点 やや、そう思う/gần nghĩ như vậy/大致认同/Very satisfi...
- 3点 どちらとも言えない/không thể nói là nghĩ như thế nào/中...
- 2点 あまりそう思わない/không hẳn nghĩ như vậy/不太认同/SI...
- 1点 そう思わない/không nghĩ...
- 不明/không rõ/không hiểu/不...

2.7 コメントがあれば記入してください/Xin vui lòng viết bất kỳ ý kiến/请写下任何评论/Please write below if you have any comments.

2 件の回答

別にないです。

なし



3 教育活動

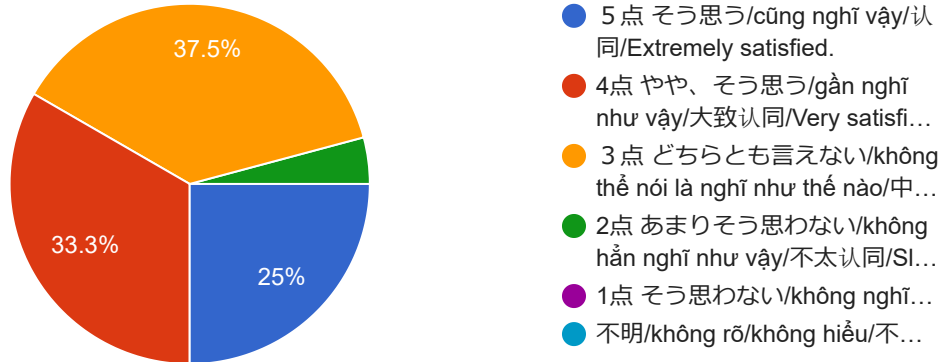
3-8 教育課程カリキュラムについて、企業など外部の意見を反映している
と思いますか？

bạn có nghĩ với chương trình giảng dạy theo giáo trình sẽ phản ánh được ý
kiến thực tế của bên ngoài và doanh nghiệp không?

你认为教育课程大纲反映了企业等校外的意见了吗？

Do you think that we reflect the latest business Curriculum opinions?

24 件の回答



3.8 コメントがあれば記入してください/Xin vui lòng viết bất kỳ ý kiến/请写下任何评论/Please write below if you have any comments.

2 件の回答

別にないです。

なし

4 学修成果



本校は、産官学の連携を行いながら、実践的な職業教育を行っていく点に特長がありますが、本校の就職支援の現状について、どのように考えますか？自由にお答えください。

Trường của chúng tôi được đặc trưng bởi việc cung cấp giáo dục nghề nghiệp thực tế trong khi hợp tác với ngành công nghiệp, chính phủ và học viện. Xin vui lòng trả lời.

Our school is characterized by providing practical vocational education while collaborating with industry, government, and academia. Please feel free to answer.

我校的特色是通过产官学合作开展实用型职业教育，您对我校的就业支持现状有何看法？请自由回答。

5 件の回答

産官学の連携が素晴らしいと思います。

本校の就職支援の現状がわかりませんが、いろいろな就活がいっぱいあることいいと思います。

企業様との交流、紹介等がお考えに沿っていると感じております。

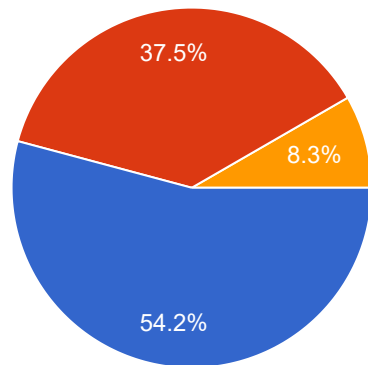
質問わかりません。

很多时候学生也不知道自己能不能做这个，不知道怎么选择，所以可能没有很好的运用到这些信息

4-9 就職支援が充実していると思いますか？ bạn có nghĩ cần thực hiện bộ phận hỗ trợ việc làm không?你认为学校就业支援充实吗？ Are you satisfied with "employment" supporting system?



24 件の回答



- 5点 そう思う/cũng nghĩ vậy/认同/Extremely satisfied.
- 4点 やや、そう思う/gần nghĩ như vậy/大致认同/Very satisfi...
- 3点 どちらとも言えない\không thể nói là nghĩ như thế nào/中...
- 2点 あまりそう思わない\không hẳn nghĩ như vậy/不太认同/SI...
- 1点 そう思わない\không nghĩ...
- 不明/không rõ/không hiểu/不...



4.9 コメントがあれば記入してください/Xin vui lòng viết bất kỳ ý kiến/请写下任何评论/Please write below if you have any comments.

3 件の回答

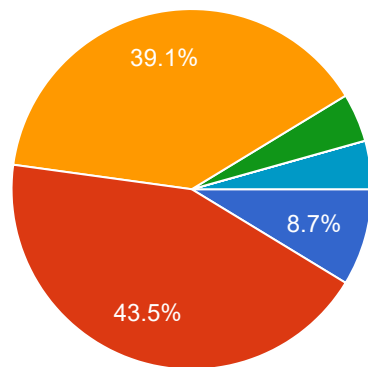
別にないです。

現在IT学生を教える方がちょっと不足だから、ほとんど就職欲が低いだから、就職支援を担当する先生が毎日進捗を尋ねて気を配ることを聞かなくて生徒にとって非常に困難です

なし

4-10 国家試験など合格率の向上が図られていると思いますか？ bạn có nghĩ tỉ lệ đỗ đã được cải thiện? 你认为有助于提升国家考试合格率吗？ Are you satisfied with our challenge of improvement for the pass rate of the National examination?

23 件の回答



- 5点 そう思う/cũng nghĩ vậy/认同/Extremely satisfied.
- 4点 やや、そう思う/gần như vậy/大致认同/Very satisfi...
- 3点 どちらとも言えない/không thể nói là nghĩ như thế nào/中...
- 2点 あまりそう思わない/không hẳn nghĩ như vậy/不太认同/SI...
- 1点 そう思わない/không nghĩ...
- 不明/không rõ/không hiểu/不...

4.10 コメントがあれば記入してください/Xin vui lòng viết bất kỳ ý kiến/请写下任何评论/Please write below if you have any comments.

2 件の回答

別にないです。

なし

5 学生支援



5 学生支援本校は、下記のことについて、支援を行っています。【ア】留学期間中の勉学に関すること【イ】日本における生活環境、日本の文化等に関すること【ウ】出入国管理に係る手続に関すること【エ】法令の遵守に関すること【オ】その他の注意事項本校の学生支援の現状について、どのように考えますか？自由にお答えください。

Hỗ trợ học sinh Trường chúng tôi cung cấp hỗ trợ cho những điều sau đây. [A] Vấn đề liên quan đến học tập trong thời gian du học [B] Vấn đề liên quan đến môi trường sống ở Nhật, văn hóa Nhật Bản, v.v. [C] Vấn đề liên quan đến thủ tục kiểm soát nhập cảnh [D] Vấn đề liên quan đến tuân thủ pháp luật [E] Khác vấn đề cần lưu ý Bạn nghĩ gì về tình trạng hỗ trợ sinh viên hiện nay tại trường của chúng tôi? Xin vui lòng trả lời. 学生支持 学校提供以下方面的支援。[a]学习期间的学习相关事项 [b]日本的生活环境、日本文化等相关事项 [c]入国手续相关事项 [d]法令遵守相关事项 [e]其他需要注意的事项。您认为贵校的学生支持现状如何？请自由回答。

Student Support Our school provides support for the following. [A] Matters related to study during the study abroad period [B] Matters related to the living environment in Japan, Japanese culture, etc. [C] Matters related to immigration control procedures [D] Matters related to legal compliance [E] Other matters What do you think about the current state of student support at our school? Please feel free to answer.

4 件の回答

いいです

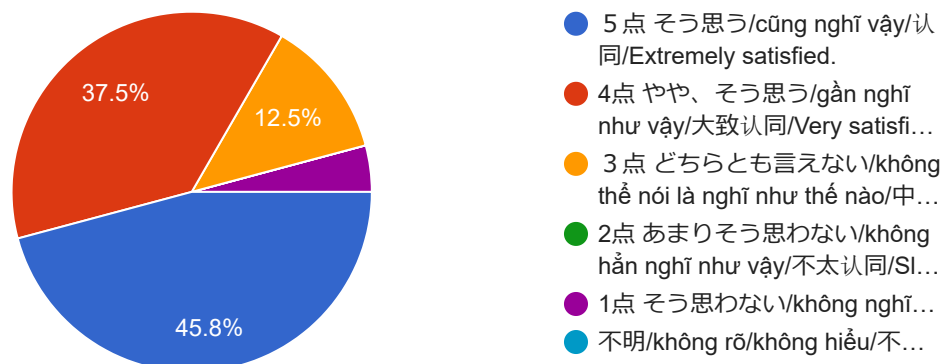
別のほうは大丈夫だと思いますが、奨学金があれば、学生に良いと思います。

悩みなどに寄り添ってくださることに感謝致しております。

我觉得老师们这方面表现得还比较负责

5-11 学生相談に関する体制が整備されていると思いますか？ bạn có nghĩ rằng cần có một hệ thống tư vấn cho học sinh? 你认为学校的学生指导相关体制完善吗？ Are you satisfied with Student Consulting Support System?

24 件の回答



5.11コメントがあれば記入してください/Xin vui lòng viết bất kỳ ý kiến/请写下任何评论/Please write below if you have any comments.

2件の回答

別にないです。

先生たちがいつもアドバイスをくれて勉強にもなります。

これでアンケートは終わりです。ご協力ありがとうございました。 Thank you for your cooperation.

このコンテンツは Google が作成または承認したものではありません。 [不正行為の報告](#) - [利用規約](#) - [プライバシーポリシー](#)

Google フォーム



